

Bản án số: 433/2019/HS-PT
Ngày 29 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Đặng An Thanh

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lâm Văn T do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và có kháng cáo của bị cáo Lâm Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 481/2018/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị kháng nghị và có kháng cáo:

Lâm Văn T (tên gọi khác: không có); giới tính: nam; sinh ngày: 25/5/1968, tại Cần Thơ; thường trú: 148/12/30/1/12 Đường C1, phường 8, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: 125 Đường C1, phường C3, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Văn M (đã chết) và bà Lâm Kim A - sinh năm 1938; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Trần Thị L - sinh năm 1981 và có 01 con là Lâm Gia B - sinh năm 2015;

Về nhân thân:

- Ngày 01/01/1989, bị Công an quận 4 bắt về hành vi “*Cướp giật tài sản của công dân*”, Tòa án nhân dân quận 4 xử phạt 24 tháng tù giam (theo bản án số 30/HSST ngày 29/3/1989), đã thi hành xong;

- Ngày 17/7/1991, bị Công an quận 3 bắt về hành vi “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*” đưa đi cưỡng bức lao động 24 tháng tại Bình Dương (theo Quyết định số 169 ngày 24/7/1991 của UBND quận 3), đến ngày 8/8/1992 được tha về;

- Ngày 26/2/1993, bị Công an quận 4 bắt về hành vi “*Cướp giật tài sản của công dân*”, đưa đi cưỡng bức lao động 12 tháng tại Bình Dương (theo Quyết định số 221 ngày 7/8/1993 của UBND quận 4), đến ngày 31/01/1994 được tha về;

- Ngày 2/5/1994, thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản của công dân*” đến ngày 31/8/1994 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 4 ra Quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can. Ngày 05/8/1997, bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt theo Quyết định truy nã số 304 ngày 03/8/1995 của Phòng CSĐTTP về TTXH Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù giam (theo bản án số 2160/HSST ngày 17/11/1997). Đã chấp hành xong;

- Ngày 21/7/2004, bị Công an quận 4 bắt theo Quyết định truy nã số 23 ngày 25/7/2003, sau đó Tòa án nhân dân quận 4 xử phạt 2 năm 6 tháng tù giam (theo bản án số 79/HSST ngày 28/9/2004). Đã chấp hành xong.

Tiền án: Ngày 06/8/2013, bị Công an quận 4 bắt về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, Tòa án nhân dân quận 4 xử phạt 2 năm 6 tháng tù giam (theo bản án số 157/2013/HSST ngày 24/12/2013). Chấp hành xong ngày 6/9/2015 trở về địa phương tiếp tục phạm tội.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2017 đến 23/02/2017, ngày 24/02/2017 bị chuyển đi cơ sở bắt buộc chữa bệnh tại huyện C. Tạm giam: ngày 12/4/2017, đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Luật sư Hồ Hoài Nhân thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo (có mặt).

(Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lâm Kim A không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ, ngày 22/2/2017, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận 4 phối hợp với Công an Phường 9, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước số 50/30 Đường C4, Phường 9, Quận 4 phát hiện bắt quả tang Lâm Văn T có hành vi cất giấu ma túy để bán; Thu giữ dưới đất kê bên chân phải của T một túi giấy màu đỏ bên trong có 01 bịch nylon lớn chứa chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1179,61 gam, loại Ketamine. (Kết luận giám định số 502/KLGD-H ngày 13/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi bị bắt, do chưa có kết quả giám định chất ma túy đã thu giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 4 ra quyết định trả tự do cho Lâm Văn T, đồng thời lập hồ sơ đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc tại Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2, xã P, huyện C để cai nghiện ma túy. Sau khi có kết quả giám định chất ma túy thu được của T có khối lượng 1179,61 gam, loại Ketamine như đã nêu trên, ngày 16/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ vụ án đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra xử lý theo thẩm quyền. Ngày 17/3/2017, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tiến hành bắt tạm giam đối với Lâm Văn T vào ngày 12/4/2017.

Quá trình điều tra, Lâm Văn T khai nhận là đối tượng nghiện ma túy, do cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh việc mua bán ma túy kiếm lời. Khoảng đầu tháng 11/2016, T làm quen với một người đàn ông tên T1 (không rõ lai lịch) và được T1 giới thiệu một người phụ nữ tên M (không rõ lai lịch) bán ma túy (Ketamine) với giá rẻ, đồng thời, T1 hướng dẫn T đến khách sạn Đào trên đường Lãnh Binh Thăng, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để gặp M. Sau đó, T đến khách sạn Đào gặp M và T1, tại đây, M báo giá 01kg Ketamine là 15.000.000 đồng, T đồng ý và hẹn ngày hôm sau đến mua. Ngày hôm sau, tại khách sạn Đào, T đưa cho M 15.000.000 đồng và nhận 01 túi giấy màu đỏ bên trong có một bịch nylon chứa 01kg Ketamine. Sau khi mua được ma túy, T đem về nhà ở Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu tại góc cửa nhà. Sáng ngày hôm sau, T điện thoại nhờ Hùng (nhà ở Quận 8, không rõ lai lịch) đến kiểm tra bịch ma túy (Ketamine) mua của M và được Hùng cho biết là Ketamine giả. Nghe vậy, T điện thoại cho M để trả lại, M đồng ý nhận nhưng do chưa có tiền trả nên T tiếp tục cất giấu ma túy tại nhà. Đến trước ngày bị bắt khoảng 15 ngày, V và G

(không rõ lai lịch) là bạn ngoài xã hội của T đến nhà chơi, T đem bịch Ketamine đã mua của M nhờ V và G bán giùm, G và V đồng ý. Sau đó khoảng một tuần, T điện thoại hỏi thì V nói bán không được do không phải Ketamine thật, nghe vậy, T đòi lại số ma túy đã đưa V, V nói đã đưa cho một người anh tên Thành (không rõ lai lịch) cất giữ. Ngày 22/2/2017, T nhận được điện thoại của T2 kêu qua chung cư H2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh nhận lại bịch Ketamine, T đồng ý và điều khiển xe máy biển số 51D1-343.89 đến điểm hẹn thì gặp một người phụ nữ (không rõ lai lịch, khoảng 45 tuổi) cầm túi giấy màu đỏ bên trong có bịch nylon chứa Ketamine mà T đã mua của M đưa cho T. T nhận lại bịch ma túy và đi đến quán cà phê trên đường Đường C4 uống nước, khi T vừa đặt gói ma túy (Ketamine) xuống đất dưới chân bên phải của T và định liên lạc với M để trả lại thì bị Công an bắt quả tang cùng vật chứng như đã nêu trên.

* Vật chứng vụ án gồm có:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số: 502 có chữ ký của GĐV Nguyễn Mạnh Cường (PC54) và ĐTV Mai Thị Lệ Quyên (PC47) bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 02 ĐTDĐ (gồm: 01 ĐTDĐ ghi hiệu Iphone và 01 ĐTDĐ hiệu Mobell) đã qua sử dụng là điện thoại của T sử dụng để liên lạc và mua bán ma túy.

- 01 túi giấy màu đỏ là của T dùng để đựng ma túy.

- Tiền ngân hàng Việt Nam: 20.000.000 đồng đã nộp kho bạc Nhà Nước

- 01 xe gắn máy hiệu Honda, biển số 59D1-343.89 số khung: ZDCKF10B0BF124452, số máy KF08E1095755KTGE1. Kết quả điều tra được biết chiếc xe này do Lâm Văn T đứng tên đăng ký chủ sở hữu, ngày 22/02/2017, T sử dụng xe trên để đi nhận ma túy thì bị bắt lập biên bản tạm giữ chờ xử lý theo quy định. Về số tiền mua xe, T khai mượn của mẹ là bà Lâm Kim A (sinh năm 1938, ngụ 125 Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh). Bà Lâm Kim A cũng xác nhận có cho T mượn tiền để mua chiếc xe trên nhưng không làm giấy vay mượn tiền.

Tại bản Cáo trạng số 464/CTr-VKS-P1 ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lâm Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e, khoản 4, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 481/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lâm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/4/2017 và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ trước từ ngày 22/02/2017 đến 23/02/2017.

Buộc bị cáo Lâm Văn T phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 13/11/2018, bị cáo Lâm Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-P1 ngày 12/12/2018 kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử tăng hình phạt đối với bị cáo Lâm Văn T từ 20 năm lên tù Chung thân.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm vị đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị chấp nhận theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Văn T mức án tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét khối lượng ma túy không giám định hàm lượng là không chính xác, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo xin giảm án của bị cáo Lâm Văn T cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định được coi là hợp lệ.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Vào lúc 18h ngày 22/2/2017 Đội cảnh sát phong chống ma túy Công an Quận 4 kết hợp với Công an Phường 9, Quận 4 bắt quả tang bị cáo Lâm Văn T đang cất giữ ma túy, thu giữ dưới đất kế bên chân của bị cáo trước nhà số 50/30 Đường C4, Phường 9, Quận 4: 1 túi giấy màu đỏ có 1 bịch ny lon bên trong có chứa chất bột màu trắng (theo kết luận giám định số 502/GD-H ngày 13/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ

Chí Minh thì ma túy nêu trên ở thể rắn có khối lượng là 1.179,61 gam loại Ketamine).

[2.1] Qua quá trình điều tra bị cáo Lâm Văn T khai thông qua tên T1, T gặp M, mua của M 1 kg Ketamine với giá 15.000.000 đồng, sau khi mua T nhờ tên Hùng ở quận 8, kiểm tra lại thì Hùng cho rằng Ketamine kém chất lượng, T hẹn M để trả lại số ma túy nêu trên cho M, chưa kịp trả thì bị bắt quả tang như đã nêu trên. Theo bị cáo T cho rằng chất Ketamine kém chất lượng (giả), Tòa án cấp sơ thẩm quy kết cho bị cáo có hành vi mua bán đến 1.179,61 gam loại Ketamine là không đúng; yêu cầu được giám định lại.

[2.2] Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay bị cáo Lâm Văn T thừa nhận bị cáo mua số ma túy nêu trên nhằm mục đích để mua bán kiếm lời, nên bị cáo bị truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng. Bị cáo đặt ra cho rằng chất Ketamine kém chất lượng (giả) nhưng chỉ có lời khai của bị cáo, không có chứng cứ khác để chứng minh cho là chất Ketamine như trên là kém chất lượng (giả). Theo hướng dẫn tại thông tư liên tịch số 08/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì ma túy thu giữ của bị cáo không thuộc trường hợp bắt buộc phải giám định lại; nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh để xử phạt đối với bị cáo là đúng. Bị cáo Lâm Văn T đã thực hiện hành vi mua bán ma túy (chất Ketamine) có khối lượng 1.179,61 gam; bị cáo có 1 tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo, lại có tình tiết tăng nặng là tái phạm (khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự 1999). Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù, xử ở mức khởi điểm của khung hình phạt là nhẹ không đúng theo hướng dẫn tại điểm b mục 3.1 Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo kháng cáo xin giảm án của bị cáo Lâm Văn T; chấp nhận theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và theo đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại Tòa là xử tăng hình phạt đối với bị cáo Lâm Văn T từ 20 năm lên tù Chung thân.

[2.3] Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Lâm Văn T.
- Chấp nhận theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Sửa án sơ thẩm, xử tăng hình phạt đối với bị cáo Lâm Văn T.
- Áp dụng điểm c khoản 4 Điều 194; khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử: Phạt bị cáo Lâm Văn T tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2017, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 22/2/2017 đến 23/2/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lâm Văn T theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

- Bị cáo Lâm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.
- Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
- Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/7/2019.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng An Thanh

Trần Thị Hòa Hiệp

Tô Chánh Trung